



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
PHILLYBOND 6 RESIN**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm PHILLYBOND 6 RESIN

Số hiệu sản phẩm Y0045

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Nhựa.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

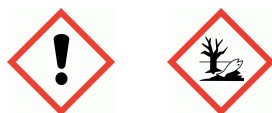
Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Thành phần nhãn

Hình đồ



Từ cảnh báo

Cảnh báo

Câu cảnh báo nguy cơ

H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

PHILLYBOND 6 RESIN

Câu phòng ngừa	P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.
Thông tin nhãn bổ sung	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
Bao gồm	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)	30-60%
Số CAS: 25068-38-6	
Phân loại	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẩn cảm da loại 1 - H317	
Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Avoid contact with eyes. Show this safety data sheet to the doctor in attendance
Sự hít phải	Nếu hít phải bụi nước/sương, làm theo hướng dẫn sau đây. Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Đập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

PHILLYBOND 6 RESIN

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Các sản phẩm cháy nguy hại Không phân hủy khi được sử dụng và lưu trữ như được khuyến nghị.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trợ khác. Transfer to covered steel drums for disposal.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Quản lý phơi nhiễm

Bảo hộ mắt/mặt Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Không có khuyến nghị cụ thể.

PHILLYBOND 6 RESIN

Các biện pháp về vệ sinh	Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.
Bảo hộ cho hô hấp	Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp nếu mức ô nhiễm không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được khuyến nghị. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Bột nhão.
Màu sắc	Trắng/trắng đục.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): 7 @ 20 °C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	277°C @
Điểm chớp cháy	>254°C
Tỷ trọng tương đối	1.81 - 1.07 @ @ 20 °C°C
Tính tan	Không tan trong nước.
Nhiệt độ tự bốc cháy	>300°C
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Chất oxy hóa mạnh. Amin.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Không điều kiện nào có thể dẫn đến tình huống gây nguy hại được biết đến.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh. Axit mạnh. Amin.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Vapours/gases/fumes of: Axit - hữu cơ. Andehyt.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Sự hít phải	Không có nguy hại sức khỏe nào được biết.
Sự ăn phải	Sản phẩm này có độc tính thấp. Chỉ số lượng lớn mới có thể gây tác hại đến sức khỏe con người. Nhưng triệu chứng về tiêu hóa, bao gồm việc dạ dày thấy khó chịu.
Tiếp xúc với da	Sản phẩm này gây kích ứng vừa phải. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.

PHILLYBOND 6 RESIN

Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng cho mắt.
Đường vào cơ thể	Tiếp xúc với da và/hoặc mắt

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh	Sản phẩm này chứa các chất độc hại với sinh vật thủy sinh và có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
Độc tính	Very toxic to aquatic organisms.
<u>Độ bền vững và độ phân hủy</u>	
Độ bền và độ phân hủy	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u>	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<u>Tính di động trong đất</u>	
Tính di động	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<u>Các tác động có hại khác</u>	
Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

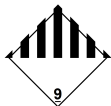
Chung	Không có thông tin khác.
<u>Số UN</u>	
Số UN (Đường bộ/Đường sắt)	3082
Số UN (IMDG)	3082
Số UN (ICAO)	3082
<u>Tên vận chuyển chuẩn UN</u>	
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))
<u>Vận chuyển các nhóm chất nguy hại</u>	
Nhóm Đường bộ/Đường sắt	9
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	9

PHILLYBOND 6 RESIN

Nhóm IMDG 9

Nhóm/ mục ICAO 9

Nhãn vận chuyển

Nhóm đóng góiNhóm đóng gói Đường III
bộ/Đường sắt

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường 90
bộ/Đường sắt)

Vận chuyển số lượng lớn theo Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Phụ lục II của MARPOL 73/78
và mã IBC**PHẦN 15: Thông tin luật định****PHẦN 16: Thông tin khác**

Ngày sửa đổi 06/04/2018

Sửa đổi 7

Ngày thay thế 03/05/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.